

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/DS-PT

Ngày 08-01-2024

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất và
yêu cầu khai thác tài sản trên đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Nguyệt.

Các Thẩm phán: Ông Cao Đức Chiến;

Ông Lộc Sơn Thái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Lộc Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2023/TLPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2023, về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu khai thác tài sản trên đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2023/DS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 59/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn; Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2023/QĐ-PT ngày 12/12/2023; Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 02/2024 ngày 07/01/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hoàng Chính Q, sinh năm 1979; cư trú tại: Khu 8, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, có mặt;

- Bị đơn: Bà Lương Thị N, sinh năm 1966; cư trú tại: Thôn Bản M, xã K, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lương Thị Nghiệp: Bà Hoàng Thị H- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hoàng Kim T, sinh năm 1982, cư trú tại: Khu 8, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Kim T: Ông Hoàng Chính Q, sinh năm 1979; cư trú tại: Khu 8, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn (theo Giấy ủy quyền ngày 05/7/2023), có mặt.

2. Ông Triệu Tiến Q (Triệu Tiến Q1); sinh năm 1952, vắng mặt;

3. Bà Chìu Thị M, sinh năm 1953, vắng mặt;

4. Bà Triệu Thị X, sinh năm 1979, vắng mặt;

5. Bà Triệu Thị L, sinh năm 1981, vắng mặt;

6. Bà Triệu Thị N, sinh năm 1987, vắng mặt;

7. Ông Triệu A S, sinh năm 1985, vắng mặt;

8. Ông Triệu A T, sinh năm 1989, vắng mặt;

9. Ông Triệu A X, sinh năm 1993, vắng mặt;

10. Bà Triệu Thị M, sinh năm 1987, vắng mặt;

11. Bà Triệu Thị N, sinh năm 1989, vắng mặt;

12. Ông Triệu Văn T, sinh năm 1991, vắng mặt;

Đều là thành viên hộ gia đình ông Triệu Tiến Q; cùng cư trú tại: Thôn Bản M, xã K, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn.

13. Ông Hoàng Văn S; sinh năm 1966, vắng mặt;

14. Anh Hoàng Văn C, sinh năm 1990, vắng mặt;

15. Chị Hoàng Thị T; sinh năm 1992, vắng mặt;

16. Anh Hoàng Văn C; sinh năm 1988, vắng mặt;

Cùng cư trú tại: Thôn Bản M, xã K, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn.

17. Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1993; cư trú tại: Thôn Bản P, xã K, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn S, anh Hoàng Văn C, chị Hoàng Thị T, anh Hoàng Văn C và chị Hoàng Thị T: Bà Lương Thị N; sinh năm 1966, cư trú tại: Thôn Bản M, xã K, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn (theo Giấy ủy quyền ngày 04/7/2023), có mặt.

18. Ủy ban nhân dân xã K, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nông Thị N, chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã K. Người đại diện theo ủy quyền ông Mông Xuân H, Công chức địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường (theo văn bản ủy quyền ngày 28/6/2023), vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Hoàng Chính Q là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Hoàng Chính Q và bà Lương Thị N tranh chấp đất có diện tích 22.991,0m² thuộc một phần thửa số 385, tờ bản đồ số 4, bản đồ địa chính xã K, tại địa danh là Peo Đông P (theo tiếng địa phương) thuộc thôn Bản M, xã K, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ tại diện tích đất tranh chấp 22.591m²; trong đó diện tích tại thửa đất tạm số 385.1, có diện tích là 20.834m², có vị trí đỉnh thửa A1, A2, A3, A4, B1, B2, A7, A8, A9, A10, A11, A12. Tài sản trên đất có 1246 cây thông do bà Lương Thị N trồng từ năm 2005 đến 2017 đường kính gốc cây to nhất trên 30cm, cây đường kính gốc nhỏ nhất dưới 5cm. Cây có đường kính dưới 5cm là 24 cây; cây có đường kính từ 5cm đến 10cm là 301 cây; cây có đường kính trên 10cm đến 20cm là 831 cây; cây có đường kính trên 20cm đến 30cm là 89 cây; cây có đường kính trên 30cm là 1 cây và 01 ngôi mộ trên đất. Diện tích tại thửa đất tạm số 385.2, có diện tích là 1.762m², có vị trí đỉnh thửa A1, A2, A3, A4, B1, B2, A7, A8, A9, A10, A11, A12 trên đất có 105 cây thông, cây có đường kính dưới 5cm do bà Lương Thị N trồng năm 2022 và có 372 cây keo, có đường kính dưới 5cm do ông Hoàng Chính Q trồng từ năm 2022.

Kết quả chồng ghép với bản đồ giao đất lâm nghiệp xã K với bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã K, đất tranh chấp thuộc một phần lô đất số 124 tiểu khu 513 tại thôn Bản M, xã K, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn đã được Nhà nước giao quyền hồ sơ quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng cho hộ ông Triệu Tiến Q và một phần lô số 68 tiểu khu 513 tại thôn Bản M, xã K, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn chưa giao cho ai.

Tại Công văn số: 1000/UBND-TNMT, ngày 24/5/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Đ cung cấp thông tin về đất đang tranh chấp: Sau khi kiểm tra, chồng ghép sơ đồ trích đo khu đất tranh chấp, biên bản thẩm định tại chỗ ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, thấy đất đang tranh chấp thuộc thửa đất số 385, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 04 - xã Kiên M. Thông tin thửa đất số 385, tờ bản đồ 04- xã K: Thửa đất trên sổ mục kê đất đai được quy chủ cho Ủy ban nhân dân xã K diện tích 324.787,0m², mục đích sử dụng đất: Đất rừng tự nhiên sản xuất (RSN).

Tiến hành xác minh tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ xác định được: Ông Hoàng Chính Q được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 434, tờ bản đồ số LN, diện tích 169.700m², loại đất rừng sản xuất tại địa danh Đông P thuộc thôn Bản M, xã K, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Qua đối chiếu với bản đồ giao đất lâm nghiệp (sổ xanh), thửa đất số 434, tờ bản đồ số LN, thuộc một phần 02 lô đất số 123 và 124 đã được Ủy ban nhân dân huyện huyện Đ l.giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng cho bố con ông Triệu Tiến Q và Triệu Tiến H, tổng diện tích là 70ha. Việc ông Hoàng Chính Q được công nhận quyền sử dụng đất đối với một phần diện tích thuộc hai lô đất này là do ông Hoàng Chính Q có mua lại hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng với ông Triệu Tiến Q và ông Triệu Tiến H. Ông Hoàng Chính Q không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích thuộc 02 lô đất số 123 và 124, tổng diện tích nhận chuyển nhượng là

70ha là do những nguyên nhân sau: Do diện tích còn lại đang có tranh chấp; không sử dụng ổn định và không phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hoặc phần diện tích còn lại đã có tài sản gắn liền với đất của người khác. Tiến hành chồng ghép với bản đồ địa chính đất lâm nghiệp của xã K xác định: Thửa đất số 434, tờ bản đồ số LN thuộc một phần diện tích thửa đất số 385 tờ bản đồ số 4 của xã K, diện tích 169,700,0m² ông Hoàng Chính Q đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không trùng với vị trí đất đang tranh chấp giữa ông Hoàng Chính Q với bà Lương Thị N.

Tại Báo cáo số 16/BC-CNVPĐKĐĐ ngày 04/01/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ cung cấp thông tin, tài liệu kèm theo: Tại Bản thống kê các hộ nhận đất lâm nghiệp năm 1995 tại thôn B, xã K, huyện Đ tỉnh Lạng Sơn thể hiện lô đất số 124, tiểu khu 513 đứng tên hộ ông Triệu Tiến Q tổng diện tích giao 40,5ha, trong đó diện tích rừng tự nhiên 9,2ha, diện tích đất trồng 31,3ha.

Tại Công văn số 15/UBND-TNMT ngày 03/01/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đ cung cấp thông tin liên quan đến vụ án: Khi cấp giấy chứng nhận đối với thửa đất số 434, tờ bản đồ số LN, diện tích 169,700,0m² loại rừng sản xuất tại địa danh Đông P thuộc thôn B, xã K, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn cho ông Hoàng Chính Q, do sơ suất cơ quan chuyên môn chưa rà soát kỹ các loại bản đồ, hồ sơ tài liệu giao đất, giao rừng trước đó, các loại giấy tờ liên quan...nên không phát hiện lô đất 123, tiểu khu 513 đã giao cho hộ ông Triệu Tiến H và lô 124, tiểu khu 513 đứng tên hộ ông Triệu Tiến Q. Ủy ban nhân dân huyện Đ chưa xử lý đối với hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng lô đất 123, tiểu khu 513 đứng tên hộ ông Triệu Tiến H và lô 124, tiểu khu 513 thôn B, xã K, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn đứng tên hộ ông Triệu Tiến Q. Chưa thực hiện việc thu hồi hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng lô đất 123, tiểu khu 513 đứng tên hộ ông Triệu Tiến H và lô 124, tiểu khu 513 thôn B, xã K, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn đứng tên hộ ông Triệu Tiến Q.

Tại cấp sơ thẩm

Nguyên đơn ông Hoàng Chính Q cho rằng ông nhận chuyển nhượng với bố con ông Triệu Tiến Q và Triệu Tiến H từ ngày 15/6/2005 hai lô đất số 123 và 124, thuộc tiểu khu 513, đất đã được Ủy ban nhân dân huyện giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng cho ông Triệu Tiến Q và Triệu Tiến H, tổng diện tích nhận chuyển nhượng là 70ha, trong đó phần đất tranh chấp với bà Lương Thị N thuộc một phần lô đất số 124. Sau khi nhận chuyển nhượng ông đã trồng thông trên đất nhận chuyển nhượng nhưng không nằm trong vị trí đất tranh chấp, hàng năm vẫn quản lý trông nom rừng tự nhiên. Đến cuối năm 2019 ông thuê máy xúc mở đường thì phát hiện bà Lương Thị N đã trồng thông trên một phần diện tích đất. Tháng 6/2021 ông biết được phần diện tích đất bà Lương Thị

N trồng thông thuộc một phần lô đất số 124 ông đã nhận chuyển nhượng với ông Triệu Tiến Q. Ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả lại cho ông đất tổng diện tích là 22.596,0m², thuộc một phần thửa đất số 385, tờ bản đồ số 4 của xã K; yêu cầu bà Lương Thị N khai thác toàn bộ cây thông đã trồng trên đất, nếu không khai thác thì nguyên đơn thanh toán giá trị cây thông cho bị đơn, trên đất có 01 ngôi mộ đất, ông đồng ý giữ nguyên hiện trạng.

Bị đơn Lương Thị N trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là đất của thôn dành cho việc chăn thả trâu bò và gia súc. Năm 2003 bà bắt đầu sử dụng, phát dọn cây cỏ trên đất, đến năm 2005 bà trồng cây thông trên đất nhưng do trâu bò vẫn được chăn thả trên đất nên tỷ lệ sống không cao, hàng năm bà vẫn quản lý, chăm sóc cây thông đã trồng, năm 2008 bà tiếp tục trồng dặm liên tục cho đến năm 2017, bà đã trồng cây thông trên toàn bộ đất đang tranh chấp. Hiện nay cây thông trồng năm 2005 và năm 2008 cây đã lớn đến tuổi khai thác nhựa, cây thông trồng năm 2017 cây còn nhỏ chưa đến tuổi khai thác nhựa. Đến năm 2021 ông Hoàng Chính Q đến san ủi cắt ngang qua đồi lấn chiếm đất của bà nên xảy ra tranh chấp. Nguyên đơn yêu cầu bà trả đất diện tích 22.596,0m², thuộc một phần thửa đất số 385 tờ bản đồ số 4 của xã K, yêu cầu bà khai thác toàn bộ cây thông đã trồng trên đất, bà không nhất trí. Trên đất có 01 ngôi mộ, bà đề nghị giữ nguyên hiện trạng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Kim T, do ông Hoàng Chính Q là người đại diện nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn Sinh, anh Hoàng Văn Chung, chị Hoàng Thị Trang, anh Hoàng Văn Chăng, chị Hoàng Thị Thủy do bà Lương Thị Nghiệp là người đại diện đều nhất trí với ý kiến của bị đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã K có ý kiến: Đất tranh chấp giữa ông Hoàng Chính Q với bà Lương Thị N chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức cá nhân nào; hiện nay vẫn thuộc Ủy ban nhân dân xã K quản lý, nhưng Ủy ban nhân dân xã K không trực tiếp quản lý, sử dụng nên không có yêu cầu gì đối với đất tranh chấp.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2023/DS-ST ngày 18/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định: Căn cứ vào khoản 2, 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 158, khoản 1 Điều 165, Điều 166, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 158, 221 Bộ luật Dân sự; các Điều 4, 12, 26, 100, 101, 135, 166, 170, 203 Luật Đất đai năm 2013; Căn cứ vào khoản 1 Điều 91 Nghị định 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai năm 2013. Căn cứ vào khoản 1 điều 24, khoản 1, 4 Điều 26, khoản 2 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu khai thác tài sản trên đất.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Chính Q về tranh chấp quyền sử dụng đất và khai thác cây thông trên đất.

Không di dời cây trên đất: Giao cho bà Lương Thị N và các thành viên trong hộ gia đình được sở hữu cây keo ông Hoàng Chính Q mới trồng trên đất mà bà Lương Thị N được quản lý, sử dụng.

1.1. Bà Lương Thị N và các thành viên trong hộ gia đình được quyền quản lý, sử dụng đất toàn bộ diện tích đất tranh chấp 22.596,0m², có vị trí đỉnh thửa A1, A2, A3, A4, A5, A6, A7, A8, A9, A10, A11, A12 thuộc một phần thửa đất số 385 tờ bản đồ số 4 của xã Kiên Mộc và sở hữu tài sản trên đất, cụ thể các phần như sau:

Phần diện tích tranh chấp tại thửa đất tạm số 385.1, có diện tích là 20.834m², có vị trí đỉnh thửa A1, A2, A3, A4, B1, B2, A7, A8, A9, A10, A11, A12 và sở hữu tài sản trên đất có 1246 cây thông do bà Lương Thị N trồng từ năm 2005 đến 2017 đường kính gốc cây to nhất trên 30cm, cây đường kính gốc nhỏ nhất dưới 5cm. Bà Lương Thị N tiếp tục quản lý, trông coi 01 ngôi mộ trên đất.

Phần diện tích tranh chấp tại thửa đất tạm số 385.2, có diện tích là 1.762m², có vị trí đỉnh thửa A4, A5, A6, A7, B2, B1 và sở hữu tài sản trên đất có 372 cây keo do ông Hoàng Chính Q trồng từ năm 2022 đều có đường kính dưới 5cm; 105 cây thông bà Lương Thị N trồng năm 2022 đều có đường kính dưới 5cm.

1.2. Bà Lương Thị N và các thành viên trong hộ gia đình phải thanh toán cho ông Hoàng Chính Q tiền cây keo ông Hoàng Chính Q đã trồng trên đất bà Lương Thị N và các thành viên trong hộ gia đình được quản lý, sử dụng với số tiền 2.976.000đ (hai triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

1.3. Buộc ông Hoàng Chính Q và bà Hoàng Kim T chấm dứt hành vi tranh chấp đối với toàn bộ diện tích đất 22.596,0m², có vị trí đỉnh thửa A1, A2, A3, A4, A5, A6, A7, A8, A9, A10, A11, A12 thuộc một phần thửa đất số 385 tờ bản đồ số 4 của xã K.

1.4. Bà Lương Thị N và các thành viên trong hộ gia đình có quyền và nghĩa vụ đăng ký quyền sử dụng đất đối với phần diện tích được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật.

(Hiện trạng thửa đất và tài sản trên đất được mô tả trên mảnh trích đo địa chính số 15-2023 ngày 28/3/2023 của Công ty cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường Sông Tô - Chi nhánh Lạng Sơn được Ủy ban nhân dân xã Kiên Mộc xác nhận ngày 05/6/2023).

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong thời hạn luật định, nguyên đơn ông Hoàng Chính Q kháng cáo yêu cầu sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2023/DS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn theo hướng sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, chấp bộ yêu cầu yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, trường hợp bị đơn không khai thác cây nguyên đơn sẽ thanh toán theo giá của Hội đồng định giá cho bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm

Nguyên đơn ông Hoàng Chính Q giữ nguyên yêu cầu nội dung kháng cáo; bị đơn là bà Lương Thị N không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; tuy có đương sự vắng mặt nhưng đã có lời khai tại cấp sơ thẩm và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên việc xét xử vụ án vắng mặt một số người tham gia tố tụng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét kháng cáo của ông Hoàng Chính Q: Căn cứ lời khai nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, biên bản xem xét thẩm định tại chỗ xác định đất tranh chấp có diện tích 22.591m² thuộc một phần thửa đất số 385 tờ bản đồ số 4 của xã K, chưa giao cho tổ chức, cá nhân nào. Nguyên đơn cho rằng ngày 15/6/2005 ông nhận chuyển nhượng với ông Triệu Tiến Q và ông Triệu Tiến H 02 lô đất số 123 và 124, tiểu khu 513 đã được Ủy ban nhân dân huyện giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng cho ông Triệu Tiến Q và ông Triệu Tiến H. Trong đó đất có tranh chấp với bà Lương Thị N là 1 phần thửa đất lô 124, ông nhận chuyển nhượng với ông Triệu Tiến Q. Sau khi nhận chuyển nhượng ông có trồng thông nhưng không nằm trong vị trí đất đang tranh chấp. Xem xét giấy chuyển nhượng viết tay ngày 15/6/2005 giữa ông và ông Triệu Tiến Q, giấy chuyển nhượng không thể hiện mốc giới, vị trí thửa đất. Sau khi nhận chuyển nhượng thửa 124 với ông Triệu Tiến Q, ông kê khai đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 434, tờ bản đồ số LN, diện tích 169.700m² nhưng đất không nằm ở vị trí đang có tranh chấp này. Năm 2021 ông san ủi đất thì xảy ra tranh chấp với bà Lương Thị N, năm 2022 ông trồng 372 cây keo trên một phần diện tích đất tranh chấp. Bà Lương Thị N có quá trình quản lý, sử dụng đất từ năm 2003, từ năm 2005 bà

trồng thông trên đất, các năm 2008, 2017 bà trồng dặm tổng cộng có 1246 cây; có 105 cây bà vào năm 2022, toàn bộ cây thông trên đất đều do bà Lương Thị N trồng và trên đất còn có 01 ngôi mộ do gia đình bà Lương Thị N quản lý, năm 2022 xảy ra tranh chấp. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Chính Q là có căn cứ.

Từ những phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Chính Q. Giữ nguyên bản án Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 18-8-2023 của Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn.

Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Phiên tòa mở lần thứ hai nhưng đã được triệu tập hợp lệ, có đương sự vắng mặt nhưng người đại diện theo ủy quyền có mặt. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người này.

[2] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Hoàng Chính Q về việc yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyên đơn ông Hoàng Chính Q cho rằng nguồn gốc đất tranh chấp có diện tích 22.596,0m² do ông ông nhận chuyển nhượng với ông Triệu Tiến Q. Ngày 15/6/2005 ông có nhận chuyển nhượng với ông Triệu Tiến Q lô đất 124, tiểu khu 513 và ông Triệu Tiến H lô đất số 123 tiểu khu 513, hai lô đất trên Ủy ban nhân dân huyện giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng cho ông Triệu Tiến Q và ông Triệu Tiến H. Phần đất có tranh chấp với bà Lương Thị N thuộc một phần lô đất số 124 ông nhận chuyển nhượng với ông Triệu Tiến Q. Còn bị đơn bà Lương Thị N cho rằng toàn bộ diện tích đất tranh chấp là của thôn dành cho việc chăn thả trâu bò và gia súc, năm 2003 bà bắt đầu quản lý, sử dụng phát dọn cây cỏ trên đất, bà trồng thông trên đất từ năm 2005, trồng dặm vào các năm 2008, 2017 và năm 2022, trên đất có 01 ngôi mộ do gia đình bà quản lý. Đất và tài sản có trên đất trên đất do bà quản lý, sử dụng hiện có tranh chấp với ông Hoàng Chính Q.

[3] Căn cứ kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 28/3/2023 và các tài liệu thu thập có trong hồ sơ, xác định đất tranh chấp có diện tích 22.591m² thuộc một phần thửa đất số 385 tờ bản đồ số 4 của xã K; trong đó diện tích tại thửa đất tạm số 385.1, có diện tích là 20.834m²; tại thửa đất tạm số 385.2, có diện tích là 1.762m².

[4] Theo kết quả chồng ghép với bản đồ giao đất lâm nghiệp xã K với bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã K đất tranh chấp diện tích 22.591m² thuộc một

phần lô đất số 124 tiểu khu 513 đã được Nhà nước giao quyền hồ sơ quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng cho hộ ông Triệu Tiến Q, tại thôn B, xã K, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn và thuộc một phần lô đất số 68, chưa giao cho ai.

Thông tin do Ủy ban nhân dân huyện Đ cung cấp: Đất tranh chấp thuộc thửa đất số 385, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 04 - xã K, trên sổ mục kê đất đai được quy chủ cho Ủy ban nhân dân xã K diện tích 324.787,0m², mục đích sử dụng đất: Đất rừng tự nhiên sản xuất (RSN). Ông Hoàng Chính Q được cấp giấy chứng nhận thửa đất số 434, khi cấp giấy chứng nhận cho ông Hoàng Chính Q, do sơ suất cơ quan chuyên môn chưa rà soát kỹ các loại bản đồ, hồ sơ tài liệu giao đất, giao rừng trước đó, các loại giấy tờ liên quan... nên không phát hiện lô 124, tiểu khu 513 đứng tên hộ ông Triệu Tiến Q và chưa xử lý và chưa thực hiện việc thu hồi hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng đối lô 124.

[5] Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông Hoàng Chính Q ngày 15/6/2005 nhận chuyển nhượng ông Triệu Tiến Quý 124, tiểu khu 513, lô đất được Ủy ban nhân dân huyện giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng cho ông Triệu Tiến Q, khi chuyển nhượng hai bên có lập giấy chuyển nhượng viết tay. Tuy nhiên trong nội dung giấy chuyển nhượng giữa Hoàng Chính Q và ông Triệu Tiến Q không thể hiện ranh giới, mốc giới, vị trí lô đất. Sau khi nhận chuyển nhượng ông Hoàng Chính Q có trồng thông nhưng không nằm trong vị trí đất đang tranh chấp. Năm 2006, ông kê khai được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 434, tờ bản đồ số LN, diện tích 169.700m² nhưng đất ông được cấp giấy chứng nhận cũng không nằm ở vị trí đất đang có tranh chấp với bà Lương Thị N. Xác định toàn bộ cây thông trồng trên đất tranh chấp do bà Lương Thị N trồng, ngoài ra trên đất còn có cây keo do ông Hoàng Chính Q trồng thời điểm năm 2022, ở vị trí thửa tạm số 385.2.

[6] Quá trình giải quyết nguyên đơn ông Hoàng Chính Q không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ gì ngoài tài liệu là hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng đối lô 124, tiểu khu 513 đứng tên hộ ông Triệu Tiến Q bản photo, do bản gốc bị thất lạc và giấy chuyển nhượng viết tay lập ngày 15/6/2005 đã nộp lưu kèm hồ sơ. Tại phiên tòa nguyên đơn thừa nhận ông không quản lý, sử dụng đất tranh chấp. Như vậy, ngoài lời trình bày tại Tòa, cả nguyên đơn và bị đơn chưa ai được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất đang tranh chấp; chưa được đứng tên trên sổ mục kê, sổ địa chính theo quy định của pháp luật về đất đai. Đất có diện tích 22.591m² đang tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 385, tờ bản đồ 04- xã Kiên Mộc do Ủy ban nhân dân xã K đứng tên, chưa được quy chủ cho ai. Thời điểm thống kê các hộ nhận đất lâm nghiệp năm 1995 thôn B, xã K, huyện Đ ghi hộ ông Triệu Tiến Q được giao đất thể hiện là diện tích rừng tự nhiên và đất

trồng không có tài sản gì. Hiện toàn bộ tài sản có trên đất gồm 1.351 cây thông do bà Lương Thị N trồng và 01 ngôi mộ trên đất, đủ căn cứ cho rằng bà Lương Thị N là người có quá trình quản lý và sử dụng. Tuy nhiên trên đất tranh chấp còn có 372 cây keo do nguyên đơn trồng sau thời điểm phát sinh tranh chấp nhưng bà Lương Thị N đã nhất trí tự nguyện bồi thường cho ông Hoàng Chính Q cây keo theo giá của Hội đồng định giá, trị giá số tiền là 2.976.000 đồng. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Hoàng Chính Q.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn là có căn cứ pháp lý và phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[9] Các phần khác của bản án sơ thẩm 06/2023/DS-ST ngày 18/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng không chấp nhận, ông Hoàng Chính Quốc phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Hoàng Chính Q. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2023/DS-ST ngày 18/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn.

2. Ông Hoàng Chính Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, xác nhận ông Hoàng Chính Q đã nộp đủ số tiền án phí nêu trên theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003771 ngày 6/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND h. Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND h. Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS h. Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- Đương sự;
- Người TGTT khác;
- Lưu: Hồ sơ; Tòa DS; HCTP; KTNV&THA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Nguyệt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Long Kiêm Lộc Sơn Thái

Lương Thị Nguyệt

